

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 644/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31/10/2025
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Hưng**.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phan Thị Dòn**.
2. Ông **Vũ Huy Hoàng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Quách Minh Tuyên** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Ngô Hoàng Phương Đại** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2025 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 26/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 526/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 481/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13/10/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Đức T**, sinh năm: 1983. (có đơn xin xét xử vắng mặt).
CCCD số 068083000145 cấp ngày 12/9/2022.

Địa chỉ: B12/2D ấp 12, xã BL, Thành phố H.

Bị đơn: Bà **Đặng Thị Kim T**; sinh năm: 1984. (vắng mặt)
CCCD số 079184011909 cấp ngày 12/8/2021.

Địa chỉ: B12/2D ấp 12, xã BL, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 24/6/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Đức T trình bày: Ông Nguyễn Đức T và bà Đặng Thị Kim T bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2017 và đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/2017 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 131 do Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (nay là Ủy ban nhân dân xã Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng) cấp ngày 05/5/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, cho tới nay thì cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hoà hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng trong cuộc sống. Do đó ông Trọng và bà Tâm đã sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ông Trọng yêu cầu ly hôn với bà Tâm.

Về con chung: Ông Nguyễn Đức T xác nhận ông Trọng và bà Đặng Thị Kim T chung sống với nhau có hai con chung gồm Nguyễn Đăng Tất Thành; (giới tính: Nam), sinh ngày 10/02/2018 và Nguyễn Đăng Trung Quân; (giới tính: Nam), sinh ngày 12/6/2020. Hiện nay trẻ Thành và trẻ Quân đang sống chung với ông Trọng. Do đó sau khi ly hôn ông Trọng yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Thành và trẻ Quân và không yêu cầu bà Tâm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Đức T yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Đức T xác nhận không có.

Ngoài ra ông Trọng không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Đặng Thị Kim T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà Tâm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Đức T nộp đơn xin ly hôn với bà Đặng Thị Kim T tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh). Theo xác nhận thông tin cư trú số 000538/XN ngày 03/7/2025 của Công an xã Bình Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Đặng Thị Kim T có nơi cư trú tại B12/2D ấp 12, xã BL, Thành phố H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời bà Đặng Thị Kim T đến Tòa án để tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng bà Tâm vẫn vắng mặt và ông Nguyễn Đức T thì có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trọng và bà Tâm theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Tâm đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên bà Tâm đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Bà Tâm phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu xin ly hôn, lời trình bày của ông Trọng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 131 do Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (nay là Ủy ban nhân dân xã Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng) cấp ngày 05/5/2017 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Đức T và bà Đặng Thị Kim T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trọng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông Trọng yêu cầu được ly hôn với bà Tâm để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của ông Trọng hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của ông Trọng thì quan hệ vợ chồng của ông Trọng và bà Tâm đã phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2025, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Trọng và bà Tâm là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Mặt khác, do bà Tâm đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để mời tham dự phiên hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng bà Tâm vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện bà Tâm không có thiện chí để Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trọng đối với bà Tâm.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Đức T xác nhận ông Trọng và bà Đặng Thị Kim T chung sống với nhau có hai con chung gồm Nguyễn Đăng Tất Thành; (giới tính: Nam), sinh ngày 10/02/2018 và Nguyễn Đăng Trung Quân; (giới tính: Nam), sinh ngày 12/6/2020. Hiện nay trẻ Thành và trẻ Quân đang sống chung với ông Trọng. Do đó sau khi ly hôn ông Trọng yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Thành và trẻ Quân và không yêu cầu bà Tâm cấp dưỡng nuôi con.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của trẻ Thành và trẻ Quân có nguyện vọng được sống chung với ông Trọng.

Xét thấy hiện nay trẻ Thành và trẻ Quân đang sống chung với ông Trọng và ông Trọng yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Thành và trẻ Quân. Do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên giao trẻ Thành và trẻ Quân cho ông Trọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho trẻ Thành và trẻ Quân.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, do ông Trọng không yêu cầu bà Tâm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn. Do đó tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Thành và trẻ Quân đối với bà Tâm cho đến khi ông Trọng có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Do ông Nguyễn Đức T yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết còn bà Tâm vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì về tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Do ông Trọng xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết còn bà Tâm vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì về nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Đức T đối với bà Đặng Thị Kim T.

Ông Nguyễn Đức T được ly hôn với bà Đặng Thị Kim T. Giấy chứng nhận kết hôn số 131 do Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (nay là Ủy ban nhân dân xã Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng) cấp ngày 05/5/2017 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Đặng Tất Thành; (giới tính: Nam), sinh ngày 10/02/2018 và giao trẻ Nguyễn Đặng Trung Quân; (giới tính: Nam), sinh ngày 12/6/2020 cho ông Nguyễn Đức T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Thành và trẻ Quân đối với bà Tâm cho đến khi ông Trọng có yêu cầu.

Bà Đặng Thị Kim T có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Do ông Nguyễn Đức T yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Do ông Nguyễn Đức T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông Trọng đã nộp theo biên lai thu số 0002379 ngày 08/7/2025 của Thị hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trọng đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKS Khu vực 10, TPHCM;
- THADS, TPHCM;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



Nguyễn Trọng Hưng